

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/02/2022

V/v: “Ly hôn; tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Ông Nguyễn Việt Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hải Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 264/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/11/2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 248/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1986.

Địa chỉ: xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Trương Văn P, sinh năm 1975.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Cộng hòa Séc.

3. *Người làm chứng:* Anh Trương Văn V1, sinh năm 1965, địa chỉ: xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt. (Chị V có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị Nguyễn Thị V trình bày: Chị và anh Trương Văn P được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 18 tháng 3 năm 2010 tại UBND xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Sau khi chung sống với nhau được một thời gian thì năm 2015, anh P đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa Séc. Từ khi đi nước ngoài,

anh P không còn quan tâm tới gia đình, bỏ bê trách nhiệm và có mối quan hệ yêu đương với người phụ nữ khác ở bên Cộng hòa Séc. Vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau nữa, không ai quan tâm đến cuộc sống riêng của nhau và ly thân từ đó đến nay. Chị V xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trương Văn P.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị V, anh P có 01 con chung là cháu Trương Ngọc Thu H, sinh ngày 02/01/2011. Hiện nay, cháu Trương Ngọc Thu H đang ở cùng chị V tại xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Khi ly hôn, chị V đề nghị Tòa án cho chị V được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình: Chị V không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh Trương Văn V1 là anh ruột của anh Trương Văn P. Tại các biên bản lấy lời khai ngày 22/11/2021 và 14/12/2021, anh V1 trình bày: Anh P và chị V được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày ngày 18 tháng 03 năm 2010 tại UBND xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Hiện nay, bố mẹ đẻ của anh đã mất, anh P đang lao động tại Cộng hòa Séc. Anh P đã được anh thông báo các nội dung văn bản tố tụng của Tòa án gửi. Sau khi được anh thông báo, anh P thông tin lại và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh P nhất trí đồng ý ly hôn chị V. Do anh P không cung cấp địa chỉ cụ thể ở Cộng hòa Séc và bản thân anh cũng không nắm được nên anh không thể cung cấp cho Tòa án. Về con chung, anh P và chị V có 01 con chung là cháu Trương Ngọc Thu H, sinh ngày 02/01/2011. Khi ly hôn, để đảm bảo cuộc sống ổn định của con, anh P đồng ý để chị V tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 30190/QLXNC-P5 ngày 07/12/2021 thể hiện: Anh Trương Văn P, sinh ngày 12/10/1975, có thông tin xuất cảnh ngày 12/4/2016 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu số B6028246, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa, chị V, anh P, anh V1 đều vắng mặt (Chị V có đơn xin xét xử vắng mặt).

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị V và anh P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Trương Văn P; về con chung, giao cháu Trương Ngọc Thu H, sinh ngày 02/01/2011 cho chị V trực tiếp chăm

sóc, nuôi dưỡng. Anh P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Chị V phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị V có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trương Văn P có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương và đang sinh sống tại Cộng hòa Séc. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 464 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa, chị V vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt lần thứ hai, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định. Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh P được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 18 tháng 03 năm 2010 tại UBND xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Sau khi chung sống với nhau được một thời gian thì anh P đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa Séc từ năm 2016 đến nay. Sau một thời gian sống xa nhau, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Anh P không còn quan tâm tới gia đình, bỏ bê trách nhiệm. Từ đó, vợ chồng không liên lạc với nhau, không ai quan tâm đến ai và ly thân từ đó đến nay. HĐXX xét thấy, hôn nhân của chị V và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mỗi người ở một nước khác nhau, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị V ly hôn với anh P là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng chị V và anh P có 01 con chung là cháu Trương Ngọc Thu H, sinh ngày 02/01/2011. Hiện nay cháu H đang ở cùng với chị V và bố mẹ đẻ của chị V tại xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Chị V đề nghị Tòa án cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha, mẹ. Bản thân chị V có chỗ ăn ở, có sức lao động nên đủ điều kiện nuôi con. Anh P đang đi lao động ở nước ngoài, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung cũng như phù hợp với thực tế nên giao con chung cho chị V nuôi dưỡng

là phù hợp với các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị V tự nguyện tạm thời chưa yêu cầu anh P cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung, sau này chị V có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị V và anh P không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V. Xử cho chị Nguyễn Thị V ly hôn anh Trương Văn P.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trương Ngọc Thu H, sinh ngày 02/01/2011 đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung. Chị V có quyền khởi kiện yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Anh Trương Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự (Hôn nhân và gia đình), đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số AA/2020/0004599 ngày 22/11/2021. Chị V đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; anh P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày

nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã L, tx. K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thanh Tuấn